

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH QU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2024/TCDS-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- QU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Tuyết và Bà Trần Thị Thuý Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Qu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST - TCDS ngày 21/12/2023 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST - TCDS ngày 24 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Đại D theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc; đại D theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân H - Giám đốc ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Qu; đại D theo ủy quyền lại: Bà Lê Thị Nguyệt Ng - Trưởng phòng tín dụng ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bắc Qu, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hồ Đăng D, sinh năm 1974 và bà Lê Thị S, sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn Nam Đức, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu (Bà S đã ủy quyền cho ông D tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 26/3/2024).

Tại phiên tòa ông D và bà S có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại D theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (tên viết tắt là **Agribank**) trình bày:

Ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S đã tự nguyện đề nghị Ngân hàng Agribank Chi

nhánh Bắc Qu cho vay đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP theo Hợp đồng tín dụng số: 195/2017/HĐTD ngày 18 tháng 7 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195A/2017/HĐSĐBS-TD ngày 28 tháng 12 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195B/2019/HĐSĐBS-TD ngày 08 tháng 07 năm 2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195C/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 09 tháng 01 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195D/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 09 tháng 07 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195E/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 08 tháng 01 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195F/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 28 tháng 05 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195G/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 08 tháng 07 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195H/2022/HĐSĐBS-HĐTD ngày 14 tháng 01 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195I/2022/HĐSĐBS-HĐTD ngày 14 tháng 07 năm 2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195K/2023/HĐSĐBS-HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2023, theo như Hợp đồng giữa Ngân hàng Agribank và ông D Bà S đã thống nhất Ngân hàng cho vợ chồng ông D vay số tiền 21.300.000.000 đồng, số tiền giải ngân thực tế: 21.299.999.330 đồng với mục đích vay để đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP, thời hạn: 11 năm, lãi suất 7%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông D và bà S đã thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vay vốn) là tàu cá Theo mẫu thiết kế: LC-02-BNN/SĐ/SD; Cơ quan thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70436; Số đăng ký: QB-92388-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195/2017/HĐTC ngày 14 tháng 7 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195A/2017/HĐSĐBS-TS ngày 28 tháng 12 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195B/2021/HĐSĐBS-HĐTC ngày 28 tháng 5 năm 2021 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195C/2023/HĐSĐBS-HĐTC ngày 03 tháng 8 năm 2023 đã ký giữa Agribank Chi nhánh Bắc Qu với ông Hồ Đăng D, bà Lê Thị S đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng Trung Sơn và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng. Giá trị con tàu được xác định trị giá 20.970.000.000 đồng.

Do có nhu cầu vay vốn để cải tạo và sửa chữa nhà ở, ngày 30/6/2017 ông D và bà S ký Hợp đồng tín dụng số 179/2017/HĐTD ngày 30/6/2017 với Ngân hàng Agribank Chi nhánh Bắc Qu vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 9%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng ông D và bà S đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 153233 do UBND huyện Bắc cấp ngày 18/6/2016 đứng tên Hồ Đăng D và Lê Thị S theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 179/2017/HĐTC ngày 29/6/2017 đã được đăng ký tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, Thửa đất số 203 thuộc tờ bản đồ số 8 tại thôn Nam Đức, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu, có D tích 625,9 m² giá trị tài sản 610.000.000 đồng.

Ngày 17/8/2017, ông D và bà S có làm văn bản cam kết dùng tài sản thế chấp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 179/2017/HĐTC ngày 29 tháng 6 năm 2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B để đảm bảo luôn cho nghĩa vụ của hợp đồng vay vốn đóng tàu cá theo Nghị định 67/CP.

Quá trình sử dụng vốn và trả nợ, phía ông D, bà S đã trả cho Ngân hàng 7.654.445.931 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 1.379.999.200 đồng; Tiền lãi: 6.274.446.731 đồng (Trong đó khách hàng trả: 1.036.347.186 đồng, Nhà nước hỗ trợ: 5.238.099.545 đồng). Tính đến ngày 30/9/2023 ông D, bà S còn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 22.043.376.663 đồng, trong đó nợ gốc: 19.920.000.130 đồng; lãi: 2.123.376.533. Sau khi Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án ngày 06/02/2024 ông D và bà S đã trả tiếp được cho Ngân hàng thêm 180.000.000 đồng tiền gốc. Tính đến ngày 21/6/2024 ông D bà S còn nợ của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền là 22.926.254.847 đồng trong đó nợ gốc: 19.740.000.130 đồng; nợ lãi: 3.186.254.717 đồng; trong đó: lãi trong hạn 3.102.411.583 đồng và lãi quá hạn 83.843.134 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà S phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng, trường hợp ông D, bà S không thanh toán hoặc thanh toán không đúng và đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại và xử lý tài sản thế chấp để thanh toán cho nghĩa vụ trả nợ của ông D, bà S đối với Ngân hàng. Trường hợp sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà S để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà phía Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp, yêu cầu ông D bà S phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S thống nhất trình bày: Vợ chồng ông bà thừa nhận có vay tiền ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh Bắc Qu số tiền 21.300.000.000 đồng, số

tiền giải ngân thực tế: 21.299.999.330 đồng với mục đích vay để đóng mới tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP, thời hạn: 11 năm, lãi suất 7%/năm.

Đề cải tạo và sửa chữa nhà ở ngày 30/6/2017 ông D và bà S ký Hợp đồng tín dụng số 179/2017/HĐTD với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Bắc Qu vay số tiền 450.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất tại thời điểm cho vay là 9%/năm.

Ông D và bà S thừa nhận đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản là con tàu cá và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như phía Ngân hàng trình bày là đúng thực tế.

Quá trình vay vợ chồng ông D đã trả cho Ngân hàng 7.654.445.931 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 1.379.999.200 đồng; Tiền lãi: 6.274.446.731 đồng (Trong đó khách hàng trả: 1.036.347.186 đồng, Nhà nước hỗ trợ: 5.238.099.545 đồng). Ngày 06/02/2024 ông D và bà S đã trả tiếp cho Ngân hàng số tiền 180.000.000 đồng tiền gốc. Tại phiên tòa phía bị đơn thừa nhận nợ Ngân hàng số tiền gốc và các khoản tiền lãi tính đến ngày 21/6/2024 số tiền là 22.926.254.847 đồng trong đó nợ gốc: 19.740.000.130 đồng; nợ lãi: 3.186.254.717 đồng; trong đó: lãi trong hạn 3.102.411.583 đồng và lãi quá hạn 83.843.134 đồng.

Ông D, bà S không có ý kiến gì về khoản tiền gốc và tiền lãi mà phía Ngân hàng yêu cầu. Ông D có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng kéo dài thời gian trả nợ cho vợ chồng ông để tìm nguồn trả nợ.

Ngày 08/4/2024, Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 203, tờ bản đồ số 8 tại thôn Nam Đức, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu. Kết quả thẩm định thể hiện: Thửa đất mà Hồ Đăng D và bà Lê Thị S thế chấp khoản tiền vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Bắc Qu thuộc thửa đất số 203, tờ bản đồ số 8 tại thôn Nam Đức, xã Đ, huyện B, tỉnh Qu có D tích 625,9 m². Thửa đất có tứ cận: phía Tây giáp đường giao thông cạnh có chiều dài 14,15m; phía Đông Nam giáp với thửa đất ông Hồ Đăng Toàn cạnh có chiều dài 44,28m; phía Đông Bắc giáp đường giao thông cạnh có chiều dài 15m; Phía Tây Bắc giáp đất ông Hồ Đăng An và ông Nguyễn Cu cạnh có chiều dài 43,14m.

Tài sản trên đất: có 01 ngôi nhà cấp 4, đổ bằng, có lát gạch, tường ốp đá, cửa nhôm kính, có D tích xây dựng 124m²; 01 rạp che lợp tôn có D tích khoảng 65,6m². So với thời điểm thế chấp tài sản cho Ngân hàng, vợ chồng ông D, bà S có sửa chữa lại nhà ở.

** Tại phiên tòa Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Qu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền

và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên: Chấp nhận yêu cầu đơn khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Buộc ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S phải trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 21/6/2024 là 22.926.254.847 **đồng** trong đó nợ gốc: 19.740.000.130 đồng; nợ lãi: 3.186.254.717 đồng; trong đó: lãi trong hạn 3.102.411.583 đồng và lãi quá hạn 83.843.134 đồng **và số tiền lãi** được tính tiếp từ ngày 22/6/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hạn mức. Nếu bị đơn không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, đúng hạn thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ. Tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện B, tỉnh Qu và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Qu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S đã thừa nhận đã ký kết Hợp tín dụng số 195/2017/HĐTD ngày 18 tháng 07 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195A/2017/HĐSĐBS-TD ngày 28 tháng 12 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195B/2019/HĐSĐBS-TD ngày 08 tháng 07 năm 2019, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195C/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 09 tháng 01 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195D/2020/HĐSĐBS-HĐTD ngày 09 tháng 07 năm 2020, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195E/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 08 tháng 01 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195F/2021/HĐSĐBS-HĐTD ngày 28 tháng 05 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số

195G/2021/HĐSDBS-HĐTD ngày 08 tháng 07 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195H/2022/HĐSDBS-HĐTD ngày 14 tháng 01 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số: 195I/2022/HĐSDBS-HĐTD ngày 14 tháng 07 năm 2022 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 195K/2023/HĐSDBS-HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2023 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Bắc Qu với ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275 và Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S không trả đầy đủ số tiền gốc, lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng có cơ sở được chấp nhận. Buộc ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh tính đến hết ngày 21/6/2024 là 22.926.254.847 đồng trong đó nợ gốc: 19.740.000.130 đồng; nợ lãi: 3.186.254.717 đồng, trong đó: lãi trong hạn 3.102.411.583 đồng và lãi quá hạn 83.843.134 đồng.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp Tàu cá theo mẫu thiết kế: LC-02-BNN/SĐ/SD; do Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông thiết kế và Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70436; Số đăng ký: QB-92388-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195/2017/HĐTC ngày 14 tháng 07 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195A/2017/HĐSDBS-TS ngày 28 tháng 12 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195B/2021/HĐSDBS-HĐTC ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195C/2023/HĐSDBS-HĐTC ngày 03 tháng 8 năm 2023 đã ký giữa Agribank Chi nhánh Bắc Qu (Bên nhận thế chấp) với Ông Hồ Đăng D, Bà Lê Thị S (Bên thế chấp). Ngày 17/8/2017, ông D và bà S có làm văn bản cam kết dùng tài sản thế chấp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 179/2017/HĐTC ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Bắc Qu với ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S để bảo đảm cho khoản vay của ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S được các bên giao kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy các hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu

phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ được chấp nhận.

Xét yêu cầu của phía nguyên đơn, trường hợp sau khi cơ quan có thẩm quyền xử lý xong tài sản bảo đảm của vợ chồng ông D, bà S đã thế chấp tại Ngân hàng mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông D bà S để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật không được chấp nhận. Vì phạm vi xử lý tài sản bảo đảm cho các khoản nợ chỉ được xử lý theo các hợp đồng thế chấp mà phía bị đơn đã ký với Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hội đồng đã chi phí tiền thuê thiết bị đo đạc, chi phí thẩm định hết số tiền 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng, buộc ông D và bà S phải hoàn trả chi phí trên cho phía Ngân hàng là phù hợp với các quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy bị đơn ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S phải chịu toàn bộ án phí vụ án là 130.926.254 đồng. Xét vợ chồng ông D, bà S có đơn đề nghị miễn, giảm án phí có chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh kinh tế khó khăn, lâm vào tình trạng bất khả kháng vì vậy Tòa án giảm 10% án phí (số tiền 13.092.625 đồng) cho vợ chồng ông D, bà S là phù hợp quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 65.021.000 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng; khoản 1 và 2 điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc bị đơn ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền nợ tính đến hết ngày

21/6/2024 là 22.926.254.847 **đồng** trong đó nợ gốc: 19.740.000.130 đồng; nợ lãi: 3.186.254.717 đồng, trong đó: lãi trong hạn 3.102.411.583 đồng và lãi quá hạn 83.843.134 đồng.

Trường hợp ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S không thanh toán được nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Qu thực hiện các biện pháp xử lý tài sản thế chấp của ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195/2017/HĐTC ngày 14 tháng 07 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195A/2017/HĐSĐBS-TS ngày 28 tháng 12 năm 2017, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195B/2021/HĐSĐBS-HĐTC ngày 28 tháng 05 năm 2021, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 195C/2023/HĐSĐBS-HĐTC ngày 03 tháng 8 năm 2023 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Bắc Qu với Ông Hồ Đăng D, Bà Lê Thị S và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 179/2017/HĐTC ngày 29 tháng 6 năm 2017 mà ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S đã ký với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi nhánh Bắc Qu để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự sau khi đã xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi các khoản nợ mà vẫn không trả đủ nợ thì xử lý bất kỳ tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Hồ Đăng D và bà Lê Thị S để thu hồi nợ.

Kể từ ngày 22/6/2024 ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S phải hoàn trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Hồ Đăng D và bà Lê Thị S phải chịu số tiền 117.833.629 (một trăm mười bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi chín) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 65.021.000 (sáu mươi lăm triệu không trăm hai mươi một

ngìn) đồng theo biên lai thu số 0002513 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Qu.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/6/2024).

5. Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qu;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

